

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/DS-PT

Ngày 04-02-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Triền.

Các Thẩm phán:

1. Bà Lê Thị Thu Trang;

2. Bà Dương Thuý Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phương Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Minh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2020, về “Tranh chấp hợp đồng mua bán”; do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 26/2020/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 353/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đỗ Nhật T, sinh năm 1988; cư trú tại: Tổ T1, ấp T2, xã T3, huyện C, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1983; cư trú tại: khu phố N1, thị trấn N2, huyện C, tỉnh Tây Ninh (là người đại diện theo ủy quyền - Văn bản ủy quyền ngày 13-12-2019); có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn:

1/ Anh Lê Thanh V, sinh năm 1980; cư trú tại: Tổ V1, ấp V2, xã V3, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2/ Anh Dương Hoàng Sơn L, sinh năm 1975; cư trú tại: Tổ L1, ấp L2, xã L3, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Anh Dương Hoàng Sơn L: Ông Phạm B, Luật sư của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một Thành viên Bảo Minh B thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Toà án không triệu tập

1/ Chị Lê Thị A, sinh năm 1980; cư trú tại: Tổ L1, ấp L2, xã L3, huyện C, tỉnh Tây Ninh;

2/ Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1983; cư trú tại: Tổ V1, ấp V2, xã V3, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 12 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – anh Đỗ Nhật T trình bày:

Anh và Anh Dương Hoàng Sơn L (chủ cửa hàng vật liệu xây dựng Lâm Phát) có mối quan hệ quen biết do cùng ngành nghề. Vào ngày 20-7-2019, anh L đưa anh V đến giới thiệu là kỹ sư xây dựng, nhận san lấp mặt bằng cho Anh Nguyễn Văn P ở khu phố P1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Anh V hỏi mua đất của anh để san lấp ao, 01 xe đất 06 m³ tại hầm của anh T và công ủi san lấp có giá 375.000 đồng/xe. Anh L nhận vận chuyển đất cho Anh V giá 250.000 đồng/xe từ hầm đất của anh tới nhà anh P.

Từ ngày 20-7-2019 đến ngày 31-8-2019, anh đã giao cho anh L 206 xe đất tương đương 77.250.000 đồng (các xe nhận đất, có ký nhận vào sổ khi lấy đất từ hầm). Sau đó, anh L có đưa cho anh 9.000.000 đồng. Anh V có hẹn với anh khi nào lấy được tiền của anh P sẽ trả hết số tiền còn lại 68.250.000 đồng, nhưng từ đó đến nay anh L và anh V không thanh toán cho anh. Nay anh yêu cầu anh L và anh V trả cho anh số tiền 68.250.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi tính từ ngày 12-12-2019 đến nay là 2.206.000 đồng; tổng cộng hai khoản là 70.456.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Đỗ Nhật T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 2.206.000 đồng. Anh yêu cầu anh Dương Hoàng Sơn L và anh Lê Thanh V cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 68.250.000 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Nguyễn Văn N trình bày:

Vào ngày 20-7-2019, anh Dương Hoàng Sơn L cùng anh Lê Thanh V đến mua đất của anh T để bán lại cho anh P với giá 375.000 đồng/xe bao gồm cả công san lấp ao. Anh L nhận vận chuyển đất từ hầm đất của anh T đến nhà anh P (khu phố 1, thị trấn C) giá 250.000 đồng/xe. Từ ngày 20-7-2019 đến ngày 31-8-2019, tổng cộng là 206 xe, tương đương 77.250.000 đồng. Sau đó, anh L có đưa cho anh T 9.000.000 đồng và hẹn với anh T khi nào lấy tiền của anh P sẽ giao hết tiền còn lại là 68.250.000 đồng. Sau đó, anh T không thấy anh L và anh V thanh toán tiền nên đến gặp anh P thì được biết anh đã thanh toán xong cho hai người này. Nay, yêu cầu Tòa án giải quyết theo đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn - Anh Lê Thanh V trình bày:

Anh và anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1975; cư trú tại: khu phố P1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh có ký “Hợp đồng thi công” vào ngày 24-7-2019 với nội dung: thi công san lấp ao theo thỏa thuận của hai bên, giá trị hợp đồng 140.000.000 đồng, anh P tạm ứng cho anh 40.000.000 đồng để anh thi công san lấp ao, còn lại 100.000.000 đồng, thời gian hoàn thành là 15 ngày, khi nào anh hoàn thành theo hợp đồng anh P sẽ thanh toán số tiền còn lại.

Cuối tháng 7-2019, anh, anh L và anh T trực tiếp gặp nhau để thỏa thuận về việc mua bán: giá 01 xe đất 6 m³ là 625.000 đồng, gồm tiền đất, chi phí vận chuyển đất đến địa điểm nhà khách hàng ở khu phố P1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh và đổ đất, ủi, cuốc, san lấp hoàn thiện đến mức yêu cầu. Sau đó, anh T, anh L đến hầm đất thỏa thuận thời gian tiến độ thực hiện, các bên thống nhất thực hiện trong 01 tuần, tính từ ngày 29-7-2019. Anh có cho anh L ứng trước 10.000.000 đồng để anh L đổ dầu cho xe chạy kịp tiến độ, việc đưa tiền cho anh L, anh T không biết. Sau đó ngày 29-7-2019, anh T bắt đầu đổ đất theo thỏa thuận được 80 xe; cụ thể: ngày 29-7-2019 đổ 13 xe, ngày 30-7-2019 đổ 07 xe, ngày 31-7-2019 đổ 03 xe, ngày 01-8-2019 đổ 07 xe, ngày 02-8-2019 đổ 05 xe, ngày 06-8-2019 đổ 14 xe, ngày 08-8-2019 đổ 20 xe, ngày 13-8-2019 đổ 11 xe.

Mỗi lần giao đất anh hoặc vợ anh là chị Nguyễn Thị M trực tiếp ký nhận, ngoài ra không có ai khác ký nhận. Từ ngày 13-8-2019, anh L và anh T ngưng không đổ đất nữa, anh đã nhiều lần liên hệ nhưng anh L, anh T không thực hiện theo thỏa thuận.

Vào khoảng ngày 12, 13-8-2019, anh có đưa cho anh L 50.000.000 đồng để hối thúc việc thực hiện hợp đồng, khi giao tiền cho anh L, anh có báo cho anh T nhưng anh T nói bận công việc, đưa cho anh L cũng được nên anh giao tiền cho anh L, khi giao tiền không làm giấy tờ.

Do bên anh T và anh L không thực hiện đúng tiến độ theo hợp đồng đã thỏa thuận, kéo dài hơn 01 tháng, chỉ đổ được khoảng 80 đến 90 xe đất, chưa san lấp hết diện tích theo hợp đồng nên anh chỉ nhận được từ anh P 40.000.000 đồng, vì anh P cắt hợp đồng và tìm đơn vị khác để đổ đất cho kịp tiến độ.

Tổng số tiền anh giao cho anh L là 60.000.000 đồng (không làm giấy tờ), trừ đi số xe đất anh đã nhận 90 xe x 625.000 đồng/xe = 56.250.000 đồng, anh không còn nợ tiền đất của anh T, anh L nên anh không đồng ý đối với yêu cầu của anh T. Số tiền còn lại 60.000.000 đồng - 56.250.000 đồng = 3.750.000 đồng, anh không yêu cầu anh T và anh L trả lại cho anh.

Bị đơn - Anh Dương Hoàng Sơn L trình bày:

Trong thời gian tháng 7-2019, do anh V là khách hàng của anh, có hỏi mua đất san lấp mặt bằng, anh có giới thiệu anh T cho anh V. Đến ngày 29-7-2020, anh T và anh V có gọi điện thoại cho anh nói anh cho xe vận chuyển đất đến ao của anh P ở khu phố 1, thị trấn C (cụm 3). Do xe của anh hư nên anh có liên hệ

cho 4 chủ xe khác cùng chạy, giá chạy một chuyến xe là 250.000 đồng, theo quy định chạy xe là nhận tiền từ chủ bán đất là anh T.

Đến ngày 17-8-2019, khi đã chạy được 170 xe, anh có báo cho anh T để lấy tiền vận chuyển; anh T chỉ đồng ý trả 200.000 đồng/1 xe; do các chủ xe không đồng ý, nên anh T nói anh qua gặp anh V lấy tiền, anh có báo lại cho anh V đã đổ đất san lấp được 2/3 phần mặt bằng, ước tính khi xong khoảng 250 xe tương đương với số tiền 62.500.000 đồng; anh V có đưa cho anh 60.000.000 đồng là tiền phí vận chuyển của xe; anh V giao tiền cho anh ngày 18-8-2019 không có giấy tờ gì, chỉ nói miệng đưa trước 60.000.000 đồng, thiếu đủ tính sau.

Ngày 19-8-2019 xe tiếp tục chạy đến ngày 24-8-2019 được 36 xe nữa là được tổng cộng là 206 xe, đã thanh toán hết 51.500.000 đồng, còn lại 8.500.000 đồng, sau đó do thời tiết có mưa nên xe ngưng chạy, đến khi đất ráo anh T gọi cho anh cho xe tiếp tục chạy nhưng khi đó các xe bận chạy vật liệu cho khách hàng khác nên anh T báo đề xe anh T chạy, nên xe bên anh ngưng. Anh T cho anh S là em của anh T gặp anh để lấy tiền còn lại là 8.500.000 đồng (anh đưa 9.000.000 đồng vì trước đó anh có nợ anh T 500.000 đồng). Như vậy, anh đã xong trách nhiệm của mình, phần còn lại anh không biết.

Những khi xe giao đất đến địa điểm san lấp ao có ngày anh thấy Anh V trực tiếp nhận đất nhưng những lần khác anh không đến nên không biết ai là người trực tiếp nhận.

Khi các xe lấy đất từ hầm đất thì các xe có nhận phiếu từ người ở hầm đất cấp cho xe để xác nhận số xe đất giao đi và đến chỗ anh V thì bên anh V tự kiểm đếm số xe đất. Tài xế xe đất giữ lại phiếu để thanh toán chi phí vận chuyển với anh. Tổng cộng là 206 xe, anh có 203 phiếu vì trong đó có 03 xe là xà bần, anh T không có phiếu, khi xe đất giao cho anh V không ký nhận giấy tờ gì, vì do chủ hầm đất tự kiểm. Anh đã nộp cho Tòa án các phiếu nhận đất từ hầm của anh T để tính phí vận chuyển với anh T, còn việc giao đất cho anh V do anh V tự theo dõi, vì việc kiểm đếm số lượng đất do chủ đất là anh T và người mua là anh V tự ghi nhận với nhau.

Anh không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của anh T yêu cầu anh có nghĩa vụ với anh V cùng trả số tiền 70.456.000 đồng, việc mua bán đất giữa anh V và anh T như thế nào anh không biết, anh chỉ là người nhận vận chuyển đất và đã nhận đủ tiền.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án - Chị Nguyễn Thị M trình bày:

Chị và Anh Lê Thanh V là vợ chồng, chung sống với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn. Chị không biết gì về hợp đồng mua bán đất giữa anh Đỗ Nhật T, anh Dương Hoàng Sơn L và anh Lê Thanh V. Do anh V bận công việc nên chị có giúp anh V đến nhà anh G theo dõi số lượng đất do anh L vận chuyển đến. Chị có ký nhận với tài xế xe 036631, ngoài ra còn ký nhận với ai nữa không thì chị không nhớ. Trường hợp Tòa án buộc anh V trả tiền cho anh T thì chị không đồng ý cùng anh V có nghĩa vụ trả nợ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án - Chị Lê Thị A trình bày:

Chị và anh Dương Hoàng Sơn L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn. Việc Anh L, anh T, anh V hợp đồng với nhau như thế nào chị không biết, việc làm ăn của chồng chị không rõ, chị không đồng ý cùng anh L có nghĩa vụ trả tiền cho anh T.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 26/2020/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Nhật T. Buộc anh Dương Hoàng Sơn L có nghĩa vụ trả cho anh Đỗ Nhật T số tiền 68.250.000 đồng. Ghi nhận anh Đỗ Nhật T không yêu cầu tính tiền lãi.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Nhật T yêu cầu anh Lê Thanh V có trách nhiệm cùng anh Dương Hoàng Sơn L trả số tiền 68.250.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất do chậm thi hành án, án phí; quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo.

Ngày 23-9-2020, anh Dương Hoàng Sơn L có đơn kháng cáo nội dung yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc anh Lê Thanh V phải có nghĩa vụ trả cho anh Đỗ Nhật T số tiền 68.250.000 đồng; lý do: việc mua bán đất giữa anh T và anh V hoàn toàn không liên quan đến anh; anh chỉ là người giới thiệu anh V cho anh T để mua đất.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Dương Hoàng Sơn L trình bày: Việc mua bán đất giữa anh Lê Thanh V với anh Đỗ Nhật T là do thỏa thuận giữa hai anh này, giá cả mua bán cũng do hai người này thỏa thuận thống nhất với nhau; anh Dương Hoàng Sơn L chỉ là người vận chuyển đất. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc anh Dương Hoàng Sơn L phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh Đỗ Nhật T là không phù hợp với Điều 430, 440, 442 của Bộ luật Dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Dương Hoàng Sơn L; sửa bản án sơ thẩm theo đó buộc anh Lê Thanh V phải có trách nhiệm trả cho anh Đỗ Nhật T số tiền 68.250.000 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa;

+ Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Anh

Dương Hoàng Sơn L; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

* Xét yêu cầu kháng cáo của Anh Dương Hoàng Sơn L:

[1] Về xác định sự kiện: Căn cứ vào lời khai của anh Đỗ Nhật T, Anh Lê Thanh V và Anh Dương Hoàng Sơn L thì có cơ sở kết luận rằng: anh T là người bán đất cho anh V; anh V là người mua đất của anh T; anh Dương Hoàng Sơn L là người trực tiếp vận chuyển đất đến hầm đất của anh P ở khu phố P1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Việc mua bán đất giữa anh T và anh V chỉ thoả thuận miệng với nhau (thông qua sự giới thiệu của anh L và hai bên không làm hợp đồng bằng văn bản), giá 01 xe đất 6 m³ là 625.000 đồng, bao gồm: tiền đất, chi phí vận chuyển, công ủi, cuộc san lấp hoàn thiện đến mức yêu cầu. Sự việc này là có thật, không cần phải chứng minh.

[2] Về xác định số lượng, khối lượng đất và tiền nguyên đơn đã nhận: Từ ngày 20-7-2019 đến ngày 31-8-2019, anh T trình bày đã giao cho anh L vận chuyển cho anh V 206 xe đất, mỗi xe 6 m³ đất, thành tiền 77.250.000 đồng và anh chỉ được anh L thanh toán 9.000.000 đồng, còn lại 68.250.000 đồng (khi nhận đất từ hầm các tài xế xe của anh L có ký nhận vào sổ xác nhận người nhận, biển số xe, khối lượng đất và thời gian nhận và được anh L thừa nhận nên có căn cứ xác định lời trình bày của anh T là có thật).

[3] Về xác định về nghĩa vụ thanh toán:

3.1. Tuy trong quá trình thực hiện hợp đồng, về mặt thực tế có diễn ra sự kiện: Anh L có nhận của anh V số tiền 60.000.000 đồng và anh L có đưa cho anh T 9.000.000 đồng. Như vậy, sau khi khấu trừ, khoản tiền đất thì còn thiếu lại anh T là: 77.250.000 đồng – 9.000.000 đồng = 68.250.000 đồng.

3.2. Tại khoản 1 Điều 430 của Bộ luật Dân sự quy định: *“Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán”*. Tại khoản 1 Điều 440 của Bộ luật Dân sự quy định: *“Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng”*.

3.3. Từ cơ sở pháp lý đã viện dẫn nêu trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc anh Dương Hoàng Sơn L (là người vận chuyển đất) có nghĩa vụ trả tiền cho anh Đỗ Nhật T số tiền 68.250.000 đồng là không đúng pháp luật.

[4] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Dương Hoàng Sơn L; chấp nhận ý kiến đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh L; không chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà; sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc anh Lê Thanh V có trách nhiệm trả số tiền 68.250.000 đồng cho anh Đỗ Nhật T.

[5] Nếu có tranh chấp phát sinh trong việc thanh toán tiền lẫn nhau giữa anh Lê Thanh V với anh Dương Hoàng Sơn L thì sẽ được Tòa án có thẩm quyền giải quyết ở vụ án dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: do sửa bản án sơ thẩm nên anh V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và anh L không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
2. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Dương Hoàng Sơn L; sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số: 26/2020/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.
3. Căn cứ vào Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Nhật T. Buộc anh Lê Thanh V có nghĩa vụ trả cho anh Đỗ Nhật T số tiền 68.250.000 (sáu mươi tám triệu, hai trăm năm mươi nghìn) đồng. Ghi nhận anh Đỗ Nhật T không yêu cầu tính tiền lãi.
5. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Nhật T yêu cầu anh Dương Hoàng Sơn L có trách nhiệm liên đới cùng anh Lê Thanh V trả số tiền 68.250.000 (sáu mươi tám triệu, hai trăm năm mươi nghìn) đồng.
6. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.
7. Về án phí dân sự sơ thẩm:
 - + Buộc anh Lê Thanh V phải chịu 3.413.000 (ba triệu, bốn trăm mười ba nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.
 - + Anh Đỗ Nhật T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh T 1.761.000 (một triệu, bảy trăm sáu mươi một nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0006981 ngày 20-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.
8. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Dương Hoàng Sơn L không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả cho anh Dương Hoàng Sơn L 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0004508 ngày 23-9-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

9. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND.TTN;
- TAND. huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS. huyện Tân Biên;
- Phòng KTNV. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án DSPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mai Văn Triển